

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
THÀNH PHỐ LONG XUYÊN
TỈNH AN GIANG**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập – Tự do - Hạnh phúc**

Bản án: 84/2018/HNGĐ-ST
Ngày: 12/9/2018
V/v tranh chấp ly hôn

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN THÀNH PHỐ LONG XUYÊN, TỈNH AN GIANG**

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa: Bà Phạm Thị Minh Châu.

Các Hội thẩm nhân dân: Ông Đặng Hữu Tấn

Bà Nguyễn Thị Xuân Loan

- Thư ký phiên tòa: Bà Trần Thị Xuân Bích – Thư ký Tòa án nhân dân thành phố Long Xuyên, tỉnh An Giang.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân thành phố Long Xuyên tham gia phiên tòa: Không tham dự.

Ngày 12 tháng 9 năm 2018 tại trụ sở Tòa án nhân dân thành phố Long Xuyên, tỉnh An Giang xét xử sơ thẩm công khai vụ án hôn nhân gia đình thụ lý số: 362/2018/TLST- HNGĐ ngày 22 tháng 5 năm 2018 về việc “Tranh chấp ly hôn” theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 110/2018/QĐXXST – HNGĐ ngày 27 tháng 8 năm 2018, giữa các đương sự:

1. *Nguyên đơn:* Chị Trần Thị Bảo C, sinh năm 1989 (Có mặt)

Nơi cư trú: ấp 1, xã H, huyện C, tỉnh An Giang.

2. *Bị đơn:* Anh Trần Chí Thanh, sinh năm 1984 (Vắng mặt – có đơn xin vắng mặt).

Nơi cư trú: khóm 5, phường M, thành phố L, tỉnh An Giang.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

* Tại đơn khởi kiện đề ngày 22/5/2018 và trong quá trình xét xử, nguyên đơn chị Trần Thị Bảo C trình bày:

- Về quan hệ hôn nhân: Chị và anh Trần Chí T do mai mối, sau đó tự nguyện tiến đến hôn, có tổ chức lễ cưới vào tháng 5 năm 2017 nhưng không đăng ký kết hôn theo quy định pháp luật. Hôn nhân lần thứ nhất của cả hai.

Trong quá trình chung sống chị và anh T nhận thấy không thể tiếp tục chung sống với nhau vì không hạnh phúc. Nguyên nhân do anh T không quan tâm, chăm lo cho gia đình, dù đã khuyên ngăn nhiều lần nhưng anh T vẫn không sửa đổi và chị đã về nhà cha mẹ ruột sinh sống từ tháng 02 năm 2018. Nay nhận thấy không thể hàn gắn, tình cảm không còn nên chị yêu cầu Tòa án không công nhận quan hệ chung sống giữa chị và anh T là vợ chồng.

- Về quan hệ con chung: Chị và anh T không có con chung, không yêu cầu giải quyết.

- Về quan hệ tài sản chung và nợ chung: Chị và anh T không có tài sản chung và nợ chung, không yêu cầu Tòa án giải quyết.

* Tại Tòa án, bị đơn anh Trần Chí T trình bày:

- Về quan hệ hôn nhân: Anh và chị Trần Thị Bảo C do mai mối sau đó tự nguyện tiến đến hôn nhân có tổ chức lễ cưới năm 2017 nhưng không đăng ký kết hôn theo quy định pháp luật. Hôn nhân lần thứ nhất của cả hai.

Trong quá trình chung sống, anh và chị C nhận thấy không thể tiếp tục chung sống với nhau vì không hạnh phúc. Nguyên nhân do bất đồng quan điểm sống và chị C đã về nhà cha mẹ ruột sinh sống từ tháng 02 năm 2018. Nay nhận thấy không thể hàn gắn, tình cảm không còn nên qua yêu cầu của chị C, anh cũng thống nhất yêu cầu Tòa án không công nhận quan hệ chung sống giữa anh và chị C là vợ chồng.

- Về quan hệ con chung: Anh và chị C không có con chung, không yêu cầu giải quyết.

- Về quan hệ tài sản chung và nợ chung: Anh và chị C không có tài sản chung và nợ chung, không yêu cầu Tòa án giải quyết.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

[1] Về thủ tục tố tụng: Bị đơn anh Trần Chí T có đơn ngày 22/8/2018 xin vắng mặt trong toàn bộ quá trình Tòa án giải quyết vụ án. Căn cứ khoản 1 Điều 227 và khoản 1 Điều 228 Bộ luật tố tụng dân sự, Hội đồng xét xử tiến hành xét xử vắng mặt anh T.

[2] Về quan hệ hôn nhân: Chị Trần Thị Bảo C và anh Trần Chí T tự nguyện chung sống với nhau như vợ chồng từ tháng 5 năm 2017, tuy đã có đủ điều kiện kết hôn nhưng vẫn chưa đăng ký kết hôn theo quy định pháp luật. Như vậy, hôn nhân giữa chị C và anh T đã vi phạm Điều 9 Luật hôn nhân và gia đình năm 2014 về đăng ký kết hôn. Do đó, Hội đồng xét xử không xem xét đến mâu thuẫn, theo quy định tại khoản 1 Điều 14 Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014 thì nam nữ có đủ điều kiện kết hôn theo quy định của pháp luật chung sống với nhau như vợ như chồng mà không đăng ký kết hôn thì không làm phát sinh quyền, nghĩa vụ giữa vợ chồng. Do đó, tuyên bố không công nhận quan hệ chung sống giữa chị Trần Thị Bảo C và anh Trần Chí T là quan hệ vợ chồng.

[3] Về quan hệ con chung: Chị Trần Thị Bảo C và anh Trần Chí T trình bày anh chị không có con chung nên không yêu cầu Tòa án giải quyết. Do đó, Hội đồng xét xử không đặt ra xem xét giải quyết.

[4] Về quan hệ tài sản chung, nợ chung: Chị Trần Thị Bảo C và anh Trần Chí T trình bày anh chị không có tài sản chung và nợ chung nên không yêu cầu Tòa án giải quyết. Do đó, Hội đồng xét xử không đặt ra xem xét giải quyết.

[5] Về án phí sơ thẩm: Chị Trần Thị Bảo C phải nộp số tiền 300.000đ (Ba trăm nghìn đồng) án phí hôn nhân sơ thẩm. Được khấu trừ vào số tiền 300.000đ (Ba trăm nghìn đồng) tạm ứng án phí đã nộp theo biên lai thu số 0008276 ngày 22/5/2018 của Chi cục thi hành án dân sự Tp.Long Xuyên.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào:

- Khoản 1 Điều 28; điểm a khoản 1 Điều 35; khoản 4 Điều 147; khoản 1 Điều 227; khoản 1 Điều 228; khoản 1 Điều 273; Điều 278 và khoản 1 Điều 280 Bộ luật Tố tụng dân sự;

- Điều 9, Điều 14, Điều 15, Điều 16 Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014;

- Khoản 1 Điều 6, điểm a khoản 5 Điều 27 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc Hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

[1] Tuyên bố không công nhận quan hệ chung sống giữa chị Trần Thị Bảo C và anh Trần Chí T là quan hệ vợ chồng.

[2] Về quan hệ con chung: Chị Trần Thị Bảo C và anh Trần Chí T không có con chung.

[3] Về quan hệ tài sản chung và nợ chung: Hội đồng xét xử không xem xét, giải quyết.

[4] Về án phí sơ thẩm: Chị Trần Thị Bảo C phải nộp số tiền 300.000đ (Ba trăm nghìn đồng) án phí hôn nhân sơ thẩm. Được khấu trừ vào số tiền 300.000đ (Ba trăm nghìn đồng) tạm ứng án phí đã nộp theo biên lai thu số 0008276 ngày 22/5/2018 của Chi cục thi hành án dân sự Tp.Long Xuyên.

[5] Chị Trần Thị Bảo C có quyền kháng cáo trong thời hạn 15 ngày, kể từ ngày tuyên án. Anh Trần Chí T có quyền kháng cáo trong thời hạn 15 ngày, kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được niêm yết.

Trường hợp bản án, quyết định được thi hành án theo quy định tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện

thi hành án hoặc cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7 và 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

Nơi nhận:

- TAND tỉnh An Giang;
- VKSND TP. Long Xuyên;
- Chi cục THADS TP. Long Xuyên;
- Các đương sự (để thi hành);
- Lưu hồ sơ vụ án và văn phòng./.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Phạm Thị Minh Châu